

XBP

VV

3685

THÔNG TIN - THỂ THAO TP. BIÊN HÒA

# VĂN BIA BIÊN HÒA



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

## TỰA

*Kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 - 1998). Tỉnh ủy - Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai thành kính tạc bia để tưởng nhớ công đức các bậc tiền nhân có công khai phá, xây dựng, phát triển và bảo vệ vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Công trình nhà bia được xây dựng trong khuôn viên di tích Đền thờ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, tại xã Hiệp Hòa - thành phố Biên Hòa. Đây là một biểu tượng văn hóa nối liền dòng mạch văn hóa truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước với 300 năm hun đúc "**Hào khí Đồng Nai**" trong sự nghiệp của dân tộc Việt Nam.*

*Với lối văn biên ngẫu, cách tân, ngắn gọn mà đầy đủ, giàu chất thơ, đậm chất sử, chuẩn xác và hữu tình, trí tuệ và trung thực, văn bia thể hiện được lòng thành của người Biên Hòa – Đồng Nai đối với quá khứ hào hùng của cha ông trong "**Hào khí Đồng Nai**". Những sự kiện lịch sử địa danh, nhân vật... được đề cập trong văn bia phản ánh trung thực hình ảnh cùng sự kiện lịch sử của đất nước, con người Biên Hòa - Đồng Nai trong suốt độ dài và chiều sâu lịch sử 300 năm. Nhằm giúp cho nhiều người có thể nắm bắt một cách đầy đủ và chính xác các sự kiện hào hùng của đất Đồng Nai trong lịch sử được nêu ra ở văn bia, Ban Văn hóa Thông tin – Thể thao thành phố Biên Hòa xuất bản tập sách nhỏ với nội dung sách gồm 2 phần: nội dung văn bia và phần chú giải.*

*Trân trọng giới thiệu và mong nhận những ý kiến đóng góp chân tình của bạn đọc.*

*Biên Hòa, ngày 15 tháng 6 năm 1999*

**BAN VH TT-TT TP. BIÊN HÒA**

## VĂN BIA

### **BIÊN HÒA ĐỒNG NAI 300 NĂM**

**(MẬU DẦN 1698 - MẬU DẦN 1998)**

Sách Sử Chép rằng: 300 năm trước, từ cửa sông Xoài Rạp đến thượng nguồn Đồng nguyên, núi sông một dải mịt mù chưa phân định...

Rừng hoang chờ đợi mỗi mòn một áng khói lam chiều từ bếp âm; sông xanh khao khát một tiếng chèo khua.

Cọp, sáu thét gầm: muông thú chưa người cai quản;

Mặt đất âm u: không kẻ vạch lá bẻ gai.

Nhà Bè nước chảy chia hai, một hôm ngã ba sông vang tiếng hát; bia rừng lặng gió, đêm nọ, ngân một khúc ầu ơ...

Rựa chặt rừng hoang, đánh lửa đốt cây, gieo hạt: một hộc thóc gặt hơn trăm hộc. Nhất thóc nhì cau; cơm Nai – Rịa, cá Rí - Rang tiếng đồn tứ xứ.

Cù lao Phố bốn phương tụ hội: chẻ đá lát đường, dựng lầu xây phố; tàu hải dương mua bán chạt sông - xứ đô hội rằng Nam Trung không đâu sánh kịp.

Ngày lại tháng qua, năm Mậu Dần, tiết xuân còn âm, tiếng trống chiêng quan quân vào đến: Lễ Thành hầu cấm gươm xuống đất, định danh Phủ Gia Định từ đây; vạch dọc xẻ ngang lập thôn, lân, xóm, ấp; xem địa cuộc phân thành hai huyện: lấy Đồng Nai đặt huyện Phước Long, dựng dinh Trấn - án ngữ địa đầu vùng đất mới!

Đất đã có tên, làng thôn có đình, chùa, miếu, võ: hát xướng âu ca câu quốc thái dân an; Văn Thánh miếu rõ ràng, chốn lều tranh vách lá: ê a chữ nghĩa thánh hiền.

Đặng Đại Độ bêu lũ hại dân tanh hôi giữa chợ; Nguyễn Thị Tồn gióng trống kêu oan, ba hồi sấm động trước cổng đế đô.

Trịnh Hoài Đức, Bùi Hữu Nghĩa... đèn sách dùi mài, đưa xứ sở bước lên hàng văn vật; Thủ Huồng, Thị Vải... kẻ tâm thành, người trinh liệt ghi sự tích cho núi, cho sông. Những tượng: trăm năm võ ruộng; đất điền mặc sức chim bay; hăng tin: núi rộng, sông dài, trên bến dưới thuyền, phố chợ thênh thang, sung mãn. Nào ngờ đâu: Bến Nghé của tiền tan như bọt nước; tàu sắt, súng đồng giặc đến: Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.

Muôn người như một, chẳng đợi quan đòi trống giục, liềm mình xông tới, một lưỡi dao phay cũng quyết ra tay dóc sức đoạn kinh.

Hỡi ôi! Đại đồn Chí Hòa thất thủ, Tán lý sa cơ, máu đỏ binh nhung; Biên Hòa nước mắt rờn rờn, thấp nén hương thơm, lập đền thiêng thờ hồn tử sĩ.

Giặc cậy sủng to, tàu lớn lấn vô: Giăng dây thép vẽ họa đồ muốn biến dân ta thành trâu thành ngựa; nào hay đâu lục tỉnh Nam kỳ, cờ Bình Tây lầy lừng khắp chốn: dưới Long Thành, Nguyễn Lãnh binh dấy quân ứng nghĩa; trên Bưng Kiệu Đoàn Văn Cự mưu đại sự phục thù. Trại Lâm Trung son đỏ mấy tấm lòng: sinh vi tướng, tử vi thần - sống chết anh hùng nào nại.

Trời Đông Phố, sáng chiều phủ kín mây đen, bọn Lang-sa xi xô qua lại, rừng cao su, bao kẻ kiếp mọi người, đám thầy chú vậy roi da, inh ỏi thét.

Máu lệ chan hòa, hạt giống đó Phú Riêng nảy mầm từ ấy; cờ búa liềm phát phới nơi hăng xướng, làng thôn: “Hỡi những người nô lệ ở thế gian, vùng đứng dậy, trận này là trận cuối”.

Tháng Tám cách mạng thành công: Độc lập Tự do - tiếng reo hò vỡ ngực;

Mùa Thu năm ấy, sao vàng xao xuyên: Chiến khu Đ vang dội “Tiến quân ca”.

Rừng núi dang tay, đón người yêu nước. Kẻ tập bắn, người làm thơ, rèn gươm thiêng thề sống chết với quân thù.

Tập kích Biên Hòa: Đất ta đâu để giặc thù chiếm đóng; chặn đánh La Ngà: cắt lộ giao thông không cho chúng lại qua.

Trận Đồng Xoài vừa dứt, trận Trảng Bom, Trảng Táo bùng lên; tháp canh, lô-cốt chắc bền: đêm hai trăm – một phút tan thành bình địa (...).

Thục dân Pháp hét hồn ôm đầu bỏ chạy; đế quốc hung hăng ồ ạt kéo vào. Trận Nhà Xanh báo cho giặc biết: đất này không chỗ dung thân; khám Tân Hiệp tan tành nói cho ngụy rõ: rằng đây kềm gai, tường đá không giam được những người yêu nước.

Năm sáu bốn: Sân bay Biên Hòa nằm trong họng cối; năm sáu sáu: Tổng kho Long Bình vạt mọn trong túi đặc công.

Rừng Sác, Lòng Tàu... sông rạch ấy, tàu binh, tàu chiến đâu dễ vào ra; Thành Tuy Hạ mấy lần kho đạn nổ tung như trời long đất lở.

Mậu Thân, thị thành lửa dậy: chiến thắng át về ta.

Bảy lăm, Xuân Lộc - cửa thép giặc vỡ toang: đón đại quân Giải phóng.

Ba mươi năm sạch bóng quân thù. Độc lập, Tự do: có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng.

Ba trăm năm, mồ hôi xương máu chép lại một trang; nghìn năm, sông núi thái bình, những muồn đời sau nhớ lại.

## HUỲNH NGỌC TRẮNG

### CĂN ĐỀ

## CHÚ GIẢI<sup>(1)</sup>

### 1. XOÀI RẠP:

Còn gọi là Xoi Rạp, Lôi Rạp. Tên sông đổ ra cửa biển Đông ở huyện Cần Giờ thành phố Hồ Chí Minh) và Gò Công (tỉnh Tiền Giang). Sông Đồng Nai (tên chữ Phước Long Giang), bắt nguồn từ cao nguyên Lang Bian (gọi chung là Đồng nguyên) chảy xuống ngã ba Nhà Bè rồi đổ ra cửa Xoài Rạp. Sách Phủ Biên tạp lục (1776) chép: "*Phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ cửa biển Cần Giờ, Xoài Rạp, cửa Đại, cửa Tiểu đổ vào toàn là rừng rậm hàng mấy ngàn dặm...*".

### 3. CỌP, SÁU THÉT GĂM:

Vào buổi đầu mới khai phá đất Đồng Nai-Gia Định sông đầy cá sáu, trên rừng nhiều cọp. Ca dao cổ:

- *Chèo ghe sợ sáu cắn chun*

*Xuống sông sợ đĩa, lên rừng sợ ma.*

- *Đồng Nai xít sở lạ lùng*

*Dưới sông sáu lội, trên rừng cọp um*

Trong truyền thuyết xưa sáu nổi tiếng là ở sông Vũng Gấm. Truyện này có chép trong: "*Thối thực ký văn*" của Trương Quốc Dụng và đi sâu vào tục ngữ:

*Dữ như cọp Vườn Trầu*

---

<sup>1</sup> Những chữ số trong phần chú giải tính theo số thứ tự từng câu trong văn bia để dễ hiểu mặc dù trong văn bia không đánh số

*Ác như sấu Vũng Gấm*

\* Vườn Trầu: Hóc Môn. Thành phố Hồ Chí Minh

\* Vũng Gấm: Nhơn Trạch Đồng Nai.

## **5. NHÀ BÈ:**

Ngã ba sông, hợp lưu của sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Tương truyền, nơi đây xưa có người hảo tâm, làm nhà nổi trên bè tre, trong đó sắm sẵn vật thực để giúp người lỡ đường đi lại trên đoạn sông này. Truyền thuyết về sự tích Nhà Bè có nhiều dị bản. Xưa nhất là dị bản chép trong Gia Định Thành Thông chí : *"Đương thuở ấy, dân cư thưa thớt, ghe đò hẹp nhỏ, hành khách thổi nấu cơm nước rất khổ, vì vậy nên người phú hộ ở thôn Tân Chánh là Võ Thủ Hoàng (tục danh là Thủ Huông) cột tre lại làm bè, trên lợp lá, dưới có phòng riêng, sắm đủ nồi, bếp, củi, gạo và đồ hỏa thực để tại nơi ấy, cho hành khách dùng mà không bắt trả tiền. Kế theo đó, người buôn cũng kết bè nổi bán vật thực nhiều đến 20, 30 chiếc nhóm thành chợ trên sông, nên gọi xứ ấy là Nhà Bè"*.

Nhà Bè tên chữ Hán là PHÙ GIA. Địa danh này được nhắc đến trong câu ca dao nổi tiếng:

*"Nhà Bè nước chảy chia hai*

*Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về"*

## **6. NHÁT THỐC, NHÌ CAU:**

Câu tục ngữ nói về sản vật nổi tiếng của xứ Đồng Nai - Gia Định xưa được Lê Quý Đôn chép trong *Phủ Biên tạp lục*.

## **CƠM NAI RIẠ, CÁ RÍ RANG**

Câu tục ngữ nói về lúa gạo của vùng Đồng Nai - Bà Rịa. Lưu dân Việt sau một thời gian khai khẩn đã biến vùng đất Đồng Nai, Bà Rịa thành một vựa lúa gạo lớn, nổi tiếng về các loại lúa, gạo của vùng đất phương Nam. Sách Gia định thành thông chí (1820) có chép: *"Bà Rịa ở đầu trấn Biên Hòa, là đất có danh tiếng, nên các phủ phía Bắc có câu ngạn rằng: cơm Nai Rịa, Cá Rí Rang, ấy là xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu, mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ vậy"*.

## **7. CÙ LAO PHỐ:**

Còn có nhiều tên gọi: Đại Phố, Đông Phố, Giản Phố, Nông Nại Đại Phố, Cù Châu (nay thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa).

Cù Lao Phố nằm giữa dòng chính sông Đồng Nai và sông Rạch Cát (tên chữ: Sa Hà). Thế kỷ XVII, XVIII Cù Lao Phố là một thương cảng sầm uất ở Nam bộ. Sách Gia Định thành thông chí miêu tả như sau: *"... Phố xá mái ngói, tường vôi, lầu cao quán rộng, dọc theo bờ sông liền lạc tới năm dặm, chia vạch ra ba đường phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang lót đá ong, đường phố nhỏ lát gạch xanh đường rộng bằng phẳng; ghe thuyền lớn ở biển và sông đến đậu neo, có những xà lan liên tiếp nhau. Ấy là một chỗ đại đô hội, nhà buôn bán to lớn đang ở đây là nhiều hơn".* Cảnh buôn bán, giao thương hàng hóa: *"Phố chợ thương mại, giao thông với người Tàu. người*

*Nhật Bản, Tây Dương, Đồ Bàn, thuyền buôn tụ tập đông đảo; phong hóa Trung Quốc từ đây bông bột lan khắp vùng Giản Phố vậy”.*

## **8. MẬU DẦN:**

Năm 1698, là mốc thời gian khi Thống suất Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) kinh lược xứ Đồng Nai.

### **Lê Thành Hầu**

Theo truyền thuyết dân gian. Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) có tên tộc là Lê. Vì thế, khi ở chức Cai cơ, Chúa Nguyễn ban tước Hầu cho Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) đặt là Lê Tài hầu. rồi Lê Thành hầu. Tước vị này có từ năm 1692 đến khi ông mất (1700). Đến thời nhà Nguyễn, ông được phong “Vĩnh An hầu” là tước sau cùng được khắc trên bia mộ của ông tại Quảng Bình.

Nguyễn Hữu Cảnh tên trong gia phả là Nguyễn Hữu Thành húy Cảnh. Ông sanh năm Canh Dần (1650) tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình. Là con thứ ba của Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật quê ở Gia Miêu, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Là một tướng tài của nhà Nguyễn. Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu tin dùng. Năm Nhâm Thân (1692), Nguyễn Hữu Cảnh được cử là Thống binh lãnh đạo quân lính bình định biên cương phía Nam. Dẹp yên giặc loạn, ông được Chúa Nguyễn thăng chức Chương cơ trấn thủ Bình Khang (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa).

Mùa xuân năm Mậu Dần (1698) Nguyễn Hữu Cảnh được Chúa Nguyễn Phúc Chu sai làm Thống suất kinh lược xứ Đồng Nai và tổ chức việc cai trị trên vùng đất mới này. Đây là vùng đất được người Việt khai khẩn vào đầu thế kỷ XVII. Sách Gia Định thành thông chí chép: *“Ông lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bộ và Ký lục để quản trị; Nha thuộc có hai có ký xá lại để làm việc; quan binh thì có Cơ đội, thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh để hộ vệ.*

*Đất đai mở rộng 1.000 dặm, dân số hơn 40.000 hộ. Chiêu mộ những lưu dân từ Bồ Chánh châu trở vô Nam đến ở khắp nơi, đặt phường ấp xã thôn, chia cắt địa phận, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh điền và lập bộ tịch đinh điền. Từ đó, con cháu người Tàu ở nơi Trấn Biên thì lập thành xã Thanh Hà, nơi ở Phiên Trấn thì lập xã Minh Hương rồi ghép vào sổ bộ tịch”.*

Mùa thu năm Kỷ Mão (1699), Nguyễn Hữu Cảnh phụng mạng Chúa Nguyễn Phúc Chu, thống lĩnh đại binh vào trấn giữ biên thùy phía Nam. Ông cho đắp lũy Hoa Phong vét kinh nối liền sông Tiền, sông Hậu, thực hiện việc an dân, giữ yên miền biên ải.

Tháng tư năm Canh Thìn (1700), sau khi hoàn thành sứ mạng. Nguyễn Hữu Cảnh cùng đoàn quân rút về đến đồn Cây Sao (cù lao Ông Chưởng ở An Giang). Tại đây, ông bị nhiễm bệnh, quan quân đưa về tới Rạch Gầm. ngã ba sông Tiền (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Nguyễn Hữu Cảnh qua đời vào tháng 5, năm Canh Thìn hưởng thọ 51 tuổi.

Trên đường đưa thi hài Nguyễn Hữu Cảnh về Quảng Bình, đoàn quân đem quan tài ông tạm dừng ở Cù Lao Phố. Tại đây người dân Biên Hòa xây ngôi quyền mộ vọng tưởng ông.

Nguyễn Hữu Cảnh mất, Chúa Nguyễn vô cùng thương tiếc, truy tặng ông tước hiệu: Hiệp Tấn công thần, Đắc tiến Chương dinh, thụ là Trung Cẩn. Năm Gia Long thứ 4 (1805) tặng là tuyên cực Công thần, Đắc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Ty Đô chỉ huy sứ, Đô đốc phủ Chương sự phó tướng Chương cơ, xếp vào công thần bậc trên cho trùng tụ ở thái miếu. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) truy tặng là Khai quốc Công thần Trang Vũ tướng quân Thần cơ doanh Đô thống, đổi tên thụ là Tráng Hoàn, phong Vĩnh An hầu. Đời vua Tự Đức ban sắc phong tặng Thượng đẳng thần.

Người dân Đồng Nai trân trọng công lao của ông đã cải đình Bình Hoà thành đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh với lòng ngưỡng vọng sâu sắc mãi mãi ghi nhớ công lao to lớn khai sáng xứ sở này.

Đình Bình Kính thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Di tích được Nhà nước xếp hạng ngày 25 tháng 3 năm 1990.

## **9. VĂN THÁNH MIẾU:**

Ở đây nói về Văn Miếu Trấn Biên. Sách Gia Định thành thông chí chép Văn Miếu trấn Biên: *“Ở địa phận thôn Bình Thành và thôn Tân Lại huyện Phước Chánh, cách phía tây hai dặm rưỡi. Đời vua Hiên Tông năm Ất Vị thứ 25 (1715), trấn thủ dinh Trấn Biên là Nguyễn Phan Long, ký lục Phạm Khánh Đức lựa chỗ đất dựng lên ban đầu, phía Nam hướng đến sông Phước, phía Bắc dựa theo núi rừng, núi sông thanh tú, cỏ cây tươi tốt. Năm Giáp Dần thời Trung hưng (1794). Lễ bộ Nguyễn Nguyễn Hồng Đô khâm mạng giám đốc trùng tu, giữa làm Đại thành điện và Đại thành môn, phía Đông làm Thần miếu, phía Tây làm Dục thánh từ, trước xây tường ngang, phía tả có tả Kim Thanh, phía hữu có cửa Ngọc Chấn, chính giữa sân dựng Khuê văn các treo trống chuông trên đấy, phía tả có Sùng Văn đường, phía hữu có Duy Lễ đường. Chu vi bốn mặt ngoài xây thành vuông, mặt tiền làm cửa Văn miếu phía tả phía hữu có hai cửa Nghi môn, rường cột chạm trổ, qui chế tinh xảo, đồ thờ có những thần bài, khám vàng, ve chén và đồ phủ qui biên đậu (đồ dùng bằng vật cứng tế). Trong thành trăm hoa tươi tốt, có những cây bông, cam, quýt, bưởi, hoa sứ, mít, xoài, chuối và quả hồng xiêm đầy rẫy xum xê, quả sai lại lớn, thường năm hai lệ tế Xuân và Thu, khâm mạng vua, Tổng trấn quan hành lễ, phân hiến hai bên thì dùng Trấn quan và Đốc học quan, kỳ dư đều đứng bồi tế, lễ đặt 50 lễ sanh và 50 miếu phu, đều lo làm chức phận”*.

Qua đợt khảo sát, định vị di tích Văn Miếu Trấn Biên xưa, nay thuộc địa phận phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Văn Miếu Trấn Biên là Văn Miếu được xây dựng sớm nhất ở vùng đất phương Nam của Tổ quốc. Và năm xây dựng 1715 có thể coi là mốc khởi đầu của tiến trình phát triển của Nho học, của sự nghiệp văn hóa - giáo dục chính thống ở vùng Đồng Nai Gia Định.

Năm 1861, quân Pháp tiến đánh Biên Hòa và tàn phá Văn Miếu Trấn Biên.

## **10. ĐẶNG ĐẠI ĐỘ:**

Người huyện Phong Đăng, tỉnh Quảng Bình. Sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên* cho biết cha ông là Đặng Đại Lược, nhờ có văn chương được bổ Văn chức viện. Năm Tân Dậu, Thế Tông Hoàng đế thứ 3 (1741) được thăng làm ký lục dinh Bồ Chính. Năm năm sau (1746) được thăng làm Cai bộ dinh Quảng Nam. Đại Lược là vị quan thanh liêm có tiếng, ông thẳng thừng từ chối các của hối lộ, giữ mình trong sạch, cuộc sống thanh nhàn, thanh bạch.

Đặng Đại Độ là người có tài ông thi đậu Hương tiến, được bổ làm Văn chức cùng cha làm quan đồng triều. Năm Mậu Thìn, Thế Tông thứ 10 (1748) được thăng làm Ký lục dinh Bình Khang. Năm Tân Ty, Thế Tông thứ 23 (1761) man Đá Vách ở Quảng Ngãi xâm lấn biên giới. Chúa Nguyễn sai Đại Lược cầm quân đi đánh, lấy Đại Độ là Ký lục Quảng Nam. Đại Độ làm quan có tiếng thanh liêm, cự tuyệt của hối lộ, ghét thói nịnh thần, gian xiểm. Sau đó ông được cử làm Ký lục Trấn Biên.

Có hai viên cai đội hầu cận Chúa Nguyễn từ kinh đô Phú Xuân đến Biên Hòa bắt ca nhi (con hát, người hát bội), cậy thế khinh người, làm nhiều điều bậy bạ. Đặng Đại Độ bắt, sai căng ra đánh chết rồi treo ở cửa chợ. Xử xong, ông mặc áo ngắn, đeo gông nhỏ đi bộ về kinh chịu tội, dắt một người cháu đi theo. Người cháu xin dừng đi bộ để giữ sức khỏe, ông nói: *“Lại có hạng tội nhân tính cách cho đỡ khổ à?”*. Đặng Đại Độ cùng người cháu đi bộ hơn một tháng mới tới kinh đô, vào Bộ Hình dâng đơn xin tới nhà ngục chờ xét xử. Bộ Hình đem việc tâu lên, Chúa Nguyễn cho triệu vào. Thấy Đặng Đại Độ không có triều phục, chúa sai cấp cho Đặng Đại Độ vào gặp Chúa xin chịu tội, Chúa Nguyễn an ủi, dụ ông: *“Khanh có tội gì đâu mà phải đọa đầy mình khổ ở đến như vậy. Chỉ vì trẫm buồn phiền một nhọc nên mới bảo chúng nó vào tìm đôi đứa con hát đưa về kinh giúp trẫm tiêu khiển, không dè chúng cậy thế hiếp người, giờ thói làm càn, khanh giết đi là phải”*.

Cảm khái trước hành động công minh lòng thương dân của bề tôi, Chúa Nguyễn Phúc Khoát không những tha tội cho Đặng Đại Độ mà còn thăng ông làm Tuần phủ Gia Định, lại chuẩn cho đi tuần khắp năm phủ (Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận), được quyền thăng giáng các quan lại những nơi ấy khi cần thiết.

Hành động cương trực, an dân của Đặng Đại Độ được xem là dũng khí của bậc đại thần, nhân dân ngưỡng mộ và lưu truyền trong sử sách.

### **NGUYỄN THỊ TÒN:**

Còn có tên là Diệu. Người làng Mỹ Khánh, tổng Chánh Mỹ Thượng (nay thuộc phường Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa). Là trưởng nữ của hộ trưởng Nguyễn Văn Lý và là chánh thất của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.

Tương truyền, khi chồng bà là Bùi Hữu Nghĩa làm quan tri huyện phủ Trà Vang (nay là Trà Vinh), vì cương trực bị quan trên ghen ghét, ghép tội, bắt giam chờ xử tử. Bà Tồn thấy chồng bị oan ức liền từ Trà Vang lên Mỹ Tho rồi quá giang ghe bầu ra đến kinh đô để mình oan cho chồng. Tại kinh đô, bà tới dinh thượng thư Bộ Lại Phan Thanh Giản bày tỏ nỗi oan của chồng và được bậc minh quan hết lòng giúp đỡ. Ông viết cáo trạng và chỉ vẽ cho bà cách trình tấu nơi công đường. Canh năm, bà Tồn lại tới pháp đình mạnh dạn đánh trống ba hồi kêu oan làm chấn động tam cung, lục viện. Vua Tự Đức cho đòi bà vào chầu, trước ngai rồng, bà đội bản cáo trạng, biện bạch



nổi oan khiên của chồng. Vua Tự Đức nghe xong, giao cho Bộ Hình xét xử. Sau khi tham định, Bộ Hình tuyên án: *"Tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tội tử hình nhưng phải quân tiên hiệu lực, đọa công chuộc tội"* nghĩa là phải ra trận lập công chuộc tội.

Bà Tồn được Vua Tự Đức ban cho Võng điều có lông, nơi đầu võng có gông nhỏ sơn son, ngầm ý khen bà là người trung trinh, gan dạ, song thâm trách bà đã làm kinh động đế đô.

Hoàng thái hậu Từ Dũ nghe tin, cho vời bà Tồn vào yết kiến. Cảm Kịch trước một người dân dã từ Đồng Nai lặn lội vào chốn kinh thành minh oan cho chồng, khen gương tiết nghĩa, đáng mặt nữ lưu nên ban cho tấm biển chạm bốn chữ vàng: *"Liệt Phụ Khả Gia"*.

Khi bà Tồn về đến quê thì chồng là Bùi Hữu Nghĩa khâm mệnh đi trấn đồn Vĩnh Thông (nay thuộc Châu Đốc - An Giang). Tại Biên Hòa, bà Tồn lâm trọng bệnh và qua đời. Bùi Hữu Nghĩa vì xa xôi cách trở không về lo được đám tang vợ. Ông có làm bài thơ khóc vợ rất sâu sắc được lưu truyền trong lịch sử văn học:

*... "Nơi kinh quốc ba hồi trống gióng, biện bạch này oan nọ ức, đáng hiền lương mắt thấy thấy đau lòng."*

*Chốn tỉnh đường một tiếng thét vang, hấn hòi lẽ chánh lời nghiêm, lũ băng đảng tai nghe đều hết vía" ...*

## **11. TRỊNH HOÀI ĐỨC:**

Tên là An, tự là Chỉ Sơn, hiệu là Cẩn Trai, sinh năm Ất Dậu (1765). Nội tổ ông là Su Khổng Trịnh Hội, nguyên quán huyện Trường Lạc, tỉnh Phúc Kiến (Trung Hoa) không chịu thần phục Mãn Thanh, rời quê hương sang Việt Nam xin Chúa Nguyễn Phúc Tần cho cư trú tại Phú Xuân. Sau này chuyển đến trú vùng Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay).

Thân sinh ông là Trịnh Khánh được Chúa Nguyễn Phúc Khoát thụ dụng, phong chức An Dương Cai thủ, sau đổi ra Qui Nhơn làm chức Chấp canh Tam trường Cai đội. Khi Trịnh Khánh mất, Trịnh Hoài Đức được 10 tuổi, mẹ ông đổi nhà về Trấn Phiên An (Gia Định) và cho ông theo học nhà nho nổi tiếng: Võ Trường Toản.

Năm Mậu Thân (1788) Chúa Nguyễn Phúc Ánh khôi phục được thành Gia Định mở khoa thi. Trịnh Hoài Đức cùng hai người bạn đồng học: Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định ra ứng thi. Cả 3 đều thi đỗ. Trịnh Hoài Đức được bổ làm Hàn lâm viện chế cáo, sau được bổ làm Tri huyện phủ Tân Bình, có lần sung chức Điền trấn quan trông coi việc khai khẩn đất đai ở Gia Định.

Năm Quý Sửu (1793) Trịnh Hoài Đức được sung chức Đông cung thị giảng? theo Đông cung Cảnh ra trấn thành Diên Khánh (Khánh Hòa). Khi đạo quân Đông cung Cảnh tiến ra lấy Phú Xuân, ông đi theo trong bộ tham mưu bàn việc cơ mật.

Năm Giáp Dần (1794). Trịnh Hoài Đức được thăng chức Ký lục trấn Dinh (Định Tường), rồi được bổ làm Hộ bộ Hữu tham tri. Năm Tân Dậu (1801) khi quân Chúa Nguyễn khắc phục được thành Phú Xuân, Trịnh Hoài Đức lo vấn đề lương thực ở Quảng Nam và Quảng Ngãi để tiếp vận cho đoàn quân Tổng Viết Phúc. Lê Văn Duyệt chỉ huy giải vây thành Bình Định cứu Võ Tánh, Ngô Tùng Châu. Năm 1802,

Trịnh Hoài Đức được thăng chức Hộ bộ Thượng thư, bội sung Chánh sứ cùng với Binh bộ Tham tri Ngô Nhân Tịnh và Hình bộ Tham tri Hoàng Ngọc Uẩn đi sứ nhà Thanh. Sau chuyến đi sứ lo việc bang giao, ông về làm tại Bộ hộ. Năm 1805, lãnh chức Hiệp tổng trấn thành Gia Định. Năm 1812, ông được đổi làm Lễ bộ thượng thư kiêm Quản tòa Khâm thiên giám. Năm Quý Dậu (1813) đổi sang làm Lại bộ Thượng thư. Năm Bính Tý (1816) trở vào Gia Định giữ chức Hiệp Tổng trấn. Đến năm 1820 làm quyền Tổng trấn thành Gia Định thay Nguyễn Văn Nhâm. Minh Mạng lên ngôi, Trịnh Hoài Đức được triệu về kinh giữ chức Lại bộ Thượng thư sung chức Phó Tổng tài ở quốc sử quán rồi được thăng Hiệp Biện đại học sĩ, lãnh Thượng thư Bộ Lại kiêm Bộ Binh. Trước khi nhận chức, ông tâu xin vua Minh Mạng nhiều lần đừng bổ ông vào những chức vụ lớn lao. Nhà vua biết ông là người tài cao đức trọng nên cương quyết giao phó nhiệm vụ cho ông. Trịnh Hoài Đức hộ giá vua Minh Mạng trong cuộc Bắc tuần. Khi trở về kinh, ông dâng vua hai bộ sách "*Lịch đại kỷ nguyên*" và "*Khang tế lục*".

Năm 1823, Trịnh Hoài Đức dâng sớ xin vua đưa về Gia Định nghỉ dưỡng. Vua Minh Mạng thuận cho ông nghỉ dưỡng ba tháng, ra dụ ân cần mời ông ở lại triều giúp vua lo việc dân, việc nước. Tuy là quan đại thần, là vị quan đầu tiên được thăng đến nhất phẩm triều Nguyễn. Nhưng Trịnh Hoài Đức sống thanh liêm, chánh trực, nhà nghèo và không có dinh thự. Nhà vua ban cho ông 2.000 quan tiền và vật liệu để ông xây nhà ở ngoài thành Huế.

Trịnh Hoài Đức còn được biết đến với tư cách là một nhà thơ, nhà nghiên cứu uyên thâm. Cùng với Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức thành lập "*Bình Dương thi xã*" với bộ sách "*Gia Định Tam Gia Thi*" và sau là "*Gia Định Sơn Hội*" với sự góp mặt của nhiều văn nhân thi sĩ đương thời: Hoàng Ngọc Uẩn, Diệp Minh Phụng, Vương Kế Sinh... làm nở rộ một thời văn học hàn lâm của đất Đồng Nai - Gia Định. Những tác phẩm của Trịnh Hoài Đức còn có "*Bắc sứ thi tập*"; "*Cán Trai thi tập*" và đặc biệt là bộ sách "*Gia Định thành thông chí*". Đây là bộ sách sử ghi lại khá đầy đủ diện mạo vùng đất phương Nam từ buổi đầu khai phá đến đầu thế kỷ XIX.

Năm Ất Dậu (1825), sau một thời gian lâm trọng bệnh, Trịnh Hoài Đức qua đời tại Phú Xuân. Vua Minh Mạng vô cùng thương tiếc bậc khai quốc công thần, lệnh bãi triều ba ngày, truy tặng Trịnh Hoài Đức chức Thiếu Bảo Cần Chánh đại học sĩ, ban tên thụy là Văn Khác, phái hoàng thân Miên Hoàng thân hành đưa linh cữu ông về Gia Định. Khi linh cữu Trịnh Hoài Đức đến Gia Định, Tổng trấn Lê Văn Duyệt đích thân phúng viếng và hộ đám ông về chôn cất tại làng Bình Trước, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa).

Mộ Trịnh Hoài Đức được Nhà Nước xếp hạng di tích theo quyết định số 1539 ngày 27 tháng 12 năm 1990.

## **BÙI HỮU NGHĨA:**

Còn có tên gọi là Bùi Quang Nghĩa, hiệu Nghi Chi, sinh năm 1807, người quê thôn Long Tuyền, phủ Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (nay thuộc tỉnh Cần Thơ).